

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2017/QĐDS-ST

Ngày: 29/9/2017

Bắc Quang, ngày 29 tháng 9 năm 2017

*"V/v: Yêu cầu Toà án
xác định phần quyền sở hữu
tài sản, phần quyền sử dụng
đất của người phải thi hành
án".*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG TỈNH HÀ GIANG
*Với thành phần giải quyết việc dân sự:***

Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Thị Hồng - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2017/TLST-DS, ngày 07 tháng 4 năm 2017 (Tạm đình chỉ ngày 07/6/2017 theo Quyết định số 01/2017/QĐTĐC-VDS; Tiếp tục giải quyết việc dân sự ngày 14/8/2017 theo Quyết định số 05/2017/QĐST - DS) về yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo Quyết định mở phiên họp số: 10/2017/QĐPH-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện B - Ông Lê Quang T "Vắng mặt".

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

- Anh Hoàng Quốc D, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Cùng trú tại: Tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H

- Anh Nguyễn Lương H, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Đơn vị công tác: Chi cục quản lý thị trường tỉnh H.

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh H. Người đại diện theo uỷ quyền là ông Đặng Văn D - Giám đốc chi nhánh.

Trụ sở giao dịch: Tổ 9, phường N, Thành phố H, tỉnh H. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Phi Y, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Trú tại: tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

- Ông Hoàng Tiến S(bố đẻ anh Hoàng Quốc D). Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị V(mẹ đẻ anh Hoàng Quốc D). Vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết: Chấp hành viên yêu cầu Toà án xác định phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng sử dụng đất của chị Phạm Thị H trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự, khối tài sản chung bao gồm:

1. Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WEVERSX biển kiểm soát 23D1 - 02773. Đứng tên chủ xe là anh Hoàng Quốc D.

2. Quyền sử dụng đất diện tích: 1.118m², tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H.

Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

3. Quyền sử dụng tổng diện tích 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H.

Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

4. Tài sản gắn liền với đất và bị kê biên cùng quyền sử dụng đất: 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 200m²; 05 gian nhà tạm, tổng diện tích khoảng 600 m²; 01 bán mái sau nhà làm bếp đun củi, diện tích khoảng 09 m²; 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước; 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35 m²; 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 50m²; Ngôi nhà và quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp để vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển tỉnh H - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh H, dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/01/2015 là 565.238.701đ (*năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm linh một nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang nhận định:

Theo Bản án số 03/2014/DSST, ngày 25/7/2014 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2014/QĐ-PT ngày 29/10/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang, chị Phạm Thị H, trú tại tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Phi Y, trú tại tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh H số tiền là 996.309.375đ (*chín trăm chín mươi sáu triệu ba trăm linh chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong khi đó, theo Quyết định số 17/2013/QĐST - DS ngày 06/8/2013; Quyết định số 09/2015/QĐST-DS ngày 04/5/2015 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang; Quyết định thi hành án số 03/QĐ-CCTHA ngày 10/10/2013 và số 14/QĐ-CCTHA ngày 29/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang; chị Nguyễn Thị Phi Y phải thi hành khoản thanh toán cho chị Vũ Thị Dung; trú tại

tổ 8, thị trấn V, huyện B, tỉnh H, số tiền 562.798.562đ (*Năm trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*) và lãi xuất. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hát, trú tại tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh H, số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) và lãi xuất.

Quá trình giải quyết vụ việc, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã yêu cầu chị H giao nộp số tiền chị H phải thanh toán cho chị Y nhưng chị H không thực hiện. Ngày 05/8/2015 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã ra Thông báo số 509/TB-CCTHA gửi đến chị Phạm Thị H, đồng sở hữu chung tài sản là anh Hoàng Quốc D và những người có quyền lợi liên quan đến các loại tài sản trên có quyền tự thỏa thuận chia tài sản chung hoặc yêu cầu Toà án giải quyết theo Bộ luật tố tụng dân sự trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thông báo số 560/TB-CCTHA ngày 07/9/2015 thông báo cho người được thi hành án là chị Nguyễn Thị Phi Y có quyền yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Do người phải thi hành án, đồng sở hữu chung về tài sản, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trên không có thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết thủ tục tố tụng dân sự. Người được thi hành án không yêu cầu Toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nên Chấp hành viên căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án và khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của chị H trong khối tài sản chung.

Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện B cho rằng:

- Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WEVERSX biển kiểm soát 23D1 - 02773. Đứng tên chủ xe là anh Hoàng Quốc D;

- Quyền sử dụng đất diện tích: 1.118m², tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

- Quyền sử dụng tổng diện tích 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

- Tài sản gắn liền với đất và bị kê biên cùng quyền sử dụng đất: 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 200m²; 05 gian nhà tạm, tổng diện tích khoảng 600 m²; 01 bán mái sau nhà làm bếp đun củi, diện tích khoảng 09 m²; 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước; 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35 m²; 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 50m²; Ngôi nhà và quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp để vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển H

- Phòng giao dịch huyện B, tỉnh H, dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/01/2015 là 565.238.701đ (*năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm linh một nghìn đồng*) đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Quốc D và bà Phạm Thị H là tài sản chung của chị H và anh D.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chị Phạm Thị H, anh Hoàng Quốc D đều chỉ thừa nhận 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WEVERSX biển kiểm soát 23D1 - 02773. Đứng tên chủ xe là anh Hoàng Quốc D là tài sản chung vợ chồng của chị H và anh D. Còn những tài sản khác gồm quyền sử dụng đất 2.521,9m² tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H cùng toàn bộ tài sản công trình trên đất đều có cả công sức của ông Hoàng tiến S, bà Nguyễn Thị V. Đối với quyền sử dụng diện tích: 1.118m², tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H thì vợ chồng chị cũng đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Lương H nên anh H đã giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/8/2017, Toà án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với những tài sản Chấp hành viên cho rằng đó là tài sản chung vợ chồng của chị Phạm Thị H và anh Hoàng Quốc D. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện như sau:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA WEVERSX biển kiểm soát 23D1 - 02773 đứng tên chủ xe là anh Hoàng Quốc D, xe đã cũ hiện anh D đang sử dụng.

- Đối với quyền sử dụng đất diện tích: 1.118m², tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. Quá trình đo đạc trên thực địa thể hiện diện tích trên thực tế chỉ còn 857,4m² (nhỏ hơn diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là 260,6m² nhưng các đương sự cùng xác định hình dáng thửa đất không thay đổi. Trong đó:

 - Phía đông giáp rãnh nước dài 28,3m (rãnh thoát nước rộng 01m)

 - Phía tây một phần giáp đường dân sinh theo chân kè đá dài 21,6m + một phần giáp đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị M dài đoạn 4,9m + đoạn 15,9m có kè đá;

 - Phía nam giáp phần đất vườn gia đình bà Nguyễn Thị M dài 23,8m;

 - Phía bắc giáp rãnh thoát nước gồm các đoạn 8,0 + 5,6 + 19,5 (theo mép bờ ao).

Hiện trạng đất nuôi trồng thủy sản, hộ bà Nguyễn Thị M đang mượn để nuôi cá. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Đối với quyền sử dụng tổng diện tích 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. Quá trình đo đạc thể hiện tổng diện tích thửa đất là 2.521,9m², trong đó đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm (đất vườn) 2.121,9m² (diện tích đất không thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trong đó ranh giới đất được xác định qua các điểm từ 1 đến 19:

Đoạn từ điểm 1 đến 2 dài 23,3m + đoạn 2 đến 3 dài 19,2m + đoạn 3 đến 4 dài 5,9m + đoạn từ 4 đến 5 dài 43,3m + đoạn 5 đến 6 dài 6,7m + đoạn từ 6 đến 7

dài 5,1m + đoạn từ 7 đến 8 dài 59,5m + đoạn từ 8 đến 9 dài 9,2m + đoạn từ 9 đến 10 dài 4,8m + đoạn từ 10 đến 11 dài 52,2m + đoạn 11 đến 12 dài 14,9m + đoạn 12 đến 13 dài 5,5m + đoạn 13 đến 14 dài 10,0m + đoạn 14 đến 15 dài 18,3m + đoạn 15 đến 16 dài 14,4m + đoạn 16 đến 17 dài 11,1m + đoạn 17 đến 18 dài 53,1m + đoạn 18 đến 19 dài 15,6m + đoạn 19 đến 1 dài 12m. (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Tài sản gắn liền với đất và bị kê biên cùng quyền sử dụng đất: Quá trình xem xét thẩm định xác định tài sản thực tế như sau:

+ 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tại sàn 1 tổng diện tích sử dụng là 121,6m²; sàn tầng 2 là 109m² đổ mái bằng + 12,6m² mái tôn, cột sắt; (tính từ cổng vào khoảng 80m).

+ 05 gian nhà cấp 4, mái lợp proximang, tổng diện tích 125,5m². Vị trí nằm rập đất gia đình ông hạ, phía sau dãy nhà có tường rào ngăn cách.

+ 01 bán mái sau nhà bếp đun củi, diện tích 18,24m².

+ 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước có diện tích 6m².

+ 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35m² (phía Tây Nam).

+ 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 100,88m² (phía Đông Nam).

Trên diện tích đất trồng nhiều cây ăn quả, cây vườn tạp không có giá trị kinh tế cao).

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp để vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển tỉnh H - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh H, dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/01/2015 là 565.238.701đ (*năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm linh một nghìn đồng*).

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và kết quả tranh tụng tại phiên họp nhận thấy:

Toàn bộ khối tài sản mà Chấp hành viên yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất đã được Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là tài sản chung vợ chồng của chị Phạm Thị H và anh Hoàng Quốc D đã tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Bởi những lẽ sau:

Theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng"*.

Cụ thể:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA WEVERSX biển kiểm soát 23D1 - 02773 đứng tên chủ xe là anh Hoàng Quốc D được mua trong thời kỳ hôn nhân (đăng ký ngày 08/8/2011).

- Đối với quyền sử dụng tổng diện tích 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. Nguồn gốc tài sản vợ chồng chị Hanh D được tặng cho chung và cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348, do UBND huyện Bắc Quang cấp ngày 07/4/2009.

Tài sản gắn liền trên đất, gồm: 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tại sàn 1 tổng diện tích sử dụng là 121,6m²; sàn tầng 2 là 109m² đổ mái bằng + 12,6m² mái tôn, cột sắt; (tính từ cổng vào khoảng 80m); 05 gian nhà cấp 4, mái lợp proximang, tổng diện tích 125,5m², nằm ráp đất gia đình ông hạ, phía sau dãy nhà có tường rào ngăn cách; 01 bán mái sau nhà bếp đun củi, diện tích 18,24m²; 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước có diện tích 6m²; 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35m² (phía Tây Nam); 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 100,88m² (phía Đông Nam) đều được xây dựng vào các thời điểm năm 2006, năm 2008... trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh D.

- Đối với quyền sử dụng đất diện tích: 857,4m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040349 do UBND huyện B cấp ngày 07/4/2009 thể hiện tổng diện tích là 1.118m²). Nguồn gốc tài sản vợ chồng chị H anh D được tặng cho chung và cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348, do UBND huyện Bắc Quang cấp ngày 07/4/2009. Trong quá trình giải quyết, chị Phạm Thị H cho rằng diện tích đất này vợ chồng chị đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Lương H thông qua hợp đồng miệng, không được làm bằng văn bản, không có công chứng, chứng thực, chưa được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại khoản 3 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định: "Quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình, chủ thể khác cũng được xác lập do được người khác chuyển quyền sử dụng đất phù hợp với quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai".

Tại khoản 2 Điều 692 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật*"

Tại Điều 46 Luật Đất đai năm 2003 quy định: "*Việc đăng ký quyền sử dụng đất được thực hiện tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: " 3, Người nhận chuyển quyền sử dụng đất;"*

Tại khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quy định: "*Hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, hợp đồng hoặc văn bản tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.*"

Như vậy, theo quy định của pháp luật thì không có căn cứ để khẳng định quyền sử dụng diện tích 857,4m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 118, tờ

bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V; địa chỉ tại tổ 14 thị trấn V, huyện B đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Lương H. Nếu anh H và vợ chồng chị H, anh D có tranh chấp sẽ được khởi kiện thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Từ những căn cứ nêu trên, việc Chấp hành viên yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị H trong khối tài sản chung nêu trên với anh D là có căn cứ để chấp nhận.

Xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và kết quả tranh tụng tại phiên họp đã thể hiện:

- Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVERSX biển kiểm soát 23D1 - 02773, đứng tên chủ xe là anh Hoàng Quốc D có nguồn gốc vợ chồng anh D và chị H mua trong thời kỳ hôn nhân nên cần xác định chị H và anh D cùng có công sức đóng góp như nhau.

- Về quyền sử dụng diện tích 857,4m² đất nuôi trồng thủy sản (theo kết quả đo đạc thực tế trên thực địa), tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040349 do UBND huyện B cấp ngày 07/4/2009 đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H và quyền sử dụng diện tích 2.521,9m² đất, tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348, do UBND huyện B cấp ngày 07/4/2009, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Cùng có địa chỉ tại: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. (Quyền sử dụng đất hiện chị H và anh D đang thế chấp để vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển tỉnh H - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh H).

Xét về nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng đất: Do ông Hoàng Tiến S, bà Nguyễn Thị V là người cho tặng vợ chồng chị Phạm Thị H, anh Hoàng Quốc D từ năm 2009 nên cần xác định anh D là người có công sức đóng góp tạo lập tài sản chung nhiều hơn phần chị H. Mặt khác, quá trình thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện từ khi chị H và anh D kết hôn với nhau vào năm 2000 nhưng chị H và anh D thường xuyên công tác xa nhà, người đứng tên chủ hộ gia đình là ông Hoàng Tiến S và thực tế hàng ngày ông S, bà V là người trực tiếp trông nom, cai quản nhà cửa, canh tác trồng màu nên cần phải xem xét cho ông S, bà V một phần công sức duy trì tài sản mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S, bà V.

- Về tài sản là nhà, công trình kiến trúc trên diện tích đất 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện:

+ 05 gian nhà tạm có diện tích khoảng 600m² là do vợ chồng chị H và anh D xây dựng nên cần xác định chị H và anh D có công sức tạo dựng bằng nhau, tuy nhiên cần xem xét một phần công sức duy trì tài sản của ông S và bà V

+ Đối với các công trình còn lại gồm 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 200m²; 01 bán mái sau nhà làm bếp đun củi, diện tích khoảng 09 m²; 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước; 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35 m²; 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 50m². (Ngôi nhà hiện đang thế chấp để vay vốn tại Chi

nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển tỉnh H - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh H). Quá trình xác minh thu thập chứng cứ thể hiện ngôi nhà xây 2 tầng và các công trình trên đất đều được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh D nên cần được xác định công sức đóng góp bằng nhau. Tuy nhiên, vợ chồng ông Hoàng Tiến S, bà Nguyễn Thị V cùng ở chung một nhà, có thu nhập ổn định nên có công sức đóng góp một phần, đồng thời ông S và bà V còn có công duy trì và tôn tạo nên cần xem xét đến một phần công sức đóng góp của ông S và bà V trong tạo lập khối tài sản chung với vợ chồng chị H, anh D.

Tại phiên họp, người có nghĩa vụ phải thi hành án là chị Phạm Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Chấp hành viên, ông Đặng Văn D, ông Hoàng Tiến S, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Lương H. Anh Hoàng Quốc D và chị Nguyễn Thị Phi Y có mặt tại phiên họp, anh D đề nghị được xem xét đến công sức đóng góp của anh lớn hơn công sức đóng góp của chị H vào việc tạo dựng khối tài sản chung vợ chồng, đồng thời cũng đề nghị Toà án xem xét bảo vệ quyền lợi cho bố mẹ anh là ông Hoàng Tiến S và bà Nguyễn Thị V, vì thực tế nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng đất là của bố mẹ đẻ của anh tặng cho.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu, việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm ra quyết định giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật; đề nghị Toà án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2, 3 Điều 59, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 688, khoản 2 Điều 692 Bộ luật dân sự 2005, Điều 46 Luật đất đai 2003, khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004, ngày 29/11/2004 của Chính Phủ chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên về việc "Yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án" theo nội dung đơn yêu cầu.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị Phạm Thị H trong khối tài sản chung với anh Hoàng Quốc D theo yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của Chấp hành viên được Toà án chấp nhận.

Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật số: 64/2014/QH13, ngày 25/11/2014 của Quốc hội.

Về chi phí xem xét thẩm định: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh H tự nguyện chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 74, khoản 3 Điều 75 của Luật số 64/2014/QH13, ngày 25/11/2014 của Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 688, khoản 2 Điều 692 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 46 Luật Đất đai năm 2003; khoản

4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh H.

- Chị Phạm Thị H được hưởng 2/6; anh Hoàng Quốc D được hưởng 3/6; ông Hoàng Tiến S và bà Nguyễn Thị V được hưởng 1/6 giá trị quyền sử dụng diện tích 2.521,9m², tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040348, ngày 07 tháng 4 năm 2009, đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Quyền sử dụng đất hiện chị H và anh D đang thế chấp để vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển H - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh H, dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/01/2015 là 565.238.701đ (*năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm linh một nghìn đồng*). Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Chị Phạm Thị H, được hưởng 2/6; anh Hoàng Quốc D được hưởng 3/6; bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Tiến S được hưởng 1/6 giá trị Quyền sử dụng đất diện tích: 857,4m² (theo kết quả đo đạc thực tế trên thực địa), tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính thị trấn V, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 040349 do UBND huyện Bắc Quang cấp ngày 07/4/2009 đứng tên người sử dụng đất là anh Hoàng Quốc D và chị Phạm Thị H. Địa chỉ thửa đất: tổ 14, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

- Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Quốc D mỗi người được hưởng 1/2 giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVERSX biển kiểm soát 23D1 - 02773. Đứng tên chủ xe là anh Hoàng Quốc D.

- Chị Phạm Thị H, anh Hoàng Quốc D mỗi người được hưởng 2/6; Ông Hoàng Tiến S và bà Nguyễn Thị V được hưởng 2/6 giá trị tài sản gắn liền với đất và bị kê biên cùng quyền sử dụng đất gồm: 01 ngôi nhà xây 02 tầng, tổng diện tích sử dụng khoảng 200m²; 01 bán mái sau nhà làm bếp đun củi, diện tích khoảng 09 m²; 01 nhà tắm gắn liền với bể đựng nước; 01 bán mái trước nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 35 m²; 01 bán mái phía bên trái nhà khung sắt, mái lợp tôn diện tích khoảng 50m²; Ngôi nhà hiện đang thế chấp để vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển H - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh H, dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/01/2015 là 565.238.701đ (*năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm linh một nghìn đồng*). (Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Chị Phạm Thị H được hưởng 2/5, anh Hoàng Quốc D được hưởng 2/5, ông Hoàng Tiến S và bà Nguyễn Thị V được hưởng 1/5 năm giá trị gian nhà tạm, tổng diện tích khoảng 600 m²

2. Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh H (Do ông Đặng Văn D - Giám đốc chi nhánh là người đại diện theo uỷ quyền) tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND huyện Bắc Quang;
- Người yêu cầu;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS H. Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hồng